TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2023/DSPT
Ngày: 13/3/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và ông Hoàng Quý Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/QĐPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn D *(tên gọi khác Hoàng Văn D)*, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B - Luật sư, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Công Q - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư AT - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (ông P là bố đẻ của nguyên đơn và bị đơn, ông P có mặt tại phiên tòa).

3.2. Ông Lầu Văn C1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (ông C1 là chồng bà C, ông C1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Bà Lý Thị S, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (bà S là vợ ông D, bà S có mặt tại phiên tòa).

3.4. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (anh H là cháu của của nguyên đơn và bị đơn, anh H có mặt tại phiên tòa).

3.5. Ủy ban nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên:

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị S1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Võ Nhai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn D1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VN. Văn bản ủy quyền số 2501/GUQ - UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện VN (ông D1 vắng mặt tại phiên tòa).

3.6. Ủy ban nhân dân xã TX, huyện VN

Người đại diện theo pháp luật: Bà Chu Thị Lệ H1, chức vụ: Chủ tịch UBND xã TX, huyện Võ Nhai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn T - Công chức địa chính xã TX. Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND xã TX, huyện VN (ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn D trình bày: Nguồn gốc đất hiện nay đang xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị C là ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 349/9; Thửa đất số 09 diện tích 9.000 m^2 vào năm 1998 cùng năm đó ông cho bà Hoàng Thị C là em gái mượn khoảng hơn 2.000m^2 để làm nhà tạm, đến khi ông có nhu cầu sử dụng thì bà C không trả lại cho ông. Ông xác định diện tích mà bà Hoàng Thị C sử dụng là 2.374,1m^2. Nay ông đề nghị bà Hoàng Thị C phải trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Hoàng Thị C trình bày: Về nguồn gốc diện tích hơn 2.000m^2 đất mà ông D đang tranh chấp với bà là do bố mẹ đẻ của bà là ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị M, (bà M chết năm 2021) cho năm 1979. Lúc đó anh chị em bà vẫn sống chung với bố mẹ đẻ. Đến năm 1989, bà kết hôn với ông Lầu Văn C1, vợ chồng bà vẫn chung sống với bố mẹ đẻ và canh tác trên mảnh đất này. Năm 1996, vợ chồng bà xin ra ở riêng và được bố mẹ đẻ của bà chia cho mảnh đất hơn 2000m^2 này để làm nhà ở, chuồng trại và canh tác sản xuất, giáp ranh các thửa đất sau: Phía bắc giáp ranh đất của ông Hoàng Văn D (có bờ ngăn ranh giới); Phía Tây giáp đất của ông Trương Văn D2 (là người hàng xóm, có ranh giới là rãnh nước); Phía Đông giáp ranh với đất của ông Hoàng Văn M1 (là người cùng xóm, có bờ ngăn cách); Phía Nam giáp ranh với đất của ông Hoàng Văn H và ông Trương Văn S2 (là người cùng xóm, có bờ

ngăn cách). Sau khi được chia đất vợ chồng bà làm nhà và trồng cây. Vợ chồng bà quản lý sử dụng ổn định từ đó đến nay. Nay ông Hoàng Văn D yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 97, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.374,1m^2 và buộc bà trả lại đất thì bà không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Thị S vợ ông D trình bày**:** Năm 1991 ông P chia đất cho ông D, vợ chồng canh tác liên tục, năm 1993 ông D đã nhận giao đất giao rừng, đến năm 1998 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998 ông D cho bà C là em gái mượn để làm nhà, bà biết và cũng đồng ý. Nay ông D yêu cầu bà C trả lại đất, bà đề nghị bà C trả đất để ông D sử dụng.

- Ông Hoàng Văn P là bố đẻ của ông D, bà C trình bày: Về nguồn gốc diện tích 9.000m^2 đất của ông D và bà C là do vợ chồng ông khai hoang năm 1979 đến năm 1996 ông cho con gái là bà Hoàng Thị C khoảng 2.000m^2 đất để làm nhà và trồng cây mà hiện nay đang xảy ra tranh chấp. Gia đình bà C sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay. Nay ông Hoàng Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và buộc bà C trả lại đất, ông cho rằng việc ông D khởi kiện là không đúng ông bà khai phá và cho vợ chồng bà C trước thời điểm ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Anh Hoàng Văn H trình bày: Anh là cháu ruột của ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị C, ông liên quan phần diện tích 2,7m^2 theo Bản đồ địa chính. Đối với phần đất này ông không có ý kiến, đề nghị gì, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, phần đất liên quan đến ông là của bà C, đề nghị Tòa án giao cho bà C quản lý sử dụng là hợp tình, hợp lý.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã TX trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp do ông Hoàng Văn P khai phá, sau đó cho bà C mượn, bà C làm nhà từ năm 1996 và quản lý sử dụng từ đó đến thời điểm xảy ra tranh chấp. Phần đất này bà C đã được đo đạc bản đồ địa chính, đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vì có tranh chấp nên không tiến hành được. Đối với bản đồ địa chính do đơn vị đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính theo quy định, việc thiết lập bản đồ địa chính địa phương không liên quan, khi đo đạc các hộ dân dẫn đạc và ký xác nhận diện tích cho mình và các hộ giáp ranh. Nay bà C ông D tranh chấp, quan điểm của UBND xã cần giao cho người đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Đại diện Ủy ban nhân dân huyện VN, giữ nguyên quan điểm và nội dung như biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai và UBND huyện ngày 12/9/2022. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 11/2022/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 157; 165; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D (tên gọi khác Hoàng Văn D), yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Hoàng Thị C - Địa chỉ: Xóm CH, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu công nhận và được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 2.208,5m^2 trị giá 30.919.000 đồng, trong tổng 2.374,1m^2 đất đang tranh chấp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D (D) đối với phần đất có diện tích 165,6m^2, trị giá 2.318.400 đồng, trong tổng 2.374,1m^2 đất đang tranh chấp.

2. Công nhận quyền sử dụng hợp pháp của ông Hoàng Văn D đối với 2.208,5m^2 đất có trị giá 30.919.000 đồng nằm trong thửa đất số 9 tờ bản đồ số 349/09 Bản đồ giao đất giao rừng xã TX, huyện VN, ông Hoàng Văn D (D) đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L916025 số vào sổ: 00006 QSDĐ/VN TX ngày 18/02/1998.

Buộc bà Hoàng Thị C trả lại 2.208,5m^2 đất nằm trong thửa đất số 9 tờ bản đồ số 349/09 Bản đồ giao đất giao rừng xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên đang tranh chấp. *(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).*

3. Về tài sản trên đất đang tranh chấp:

3.1. Buộc bà Hoàng Thị C và ông Lầu Văn C1 tháo dỡ, di dời: 01 nhà diện tích 84,2m^2, cột gỗ, mái lợp Phờ rô xi măng, bó nền, xây dựng năm 1998; 01 chuồng Trâu diện tích 20m^2, mái lợp Phờ rô xi măng (nhà tạm);

3.2. Buộc bà Hoàng Thị C và ông Lầu Văn C1 thu hoạch, khai thác, di chuyển cây cối, hoa màu trên phần đất tranh chấp, cụ thể gồm: **01** *(một)* cây Bưởi Diễn có đường kính gốc 17cm; **02** *(hai)* cây vải thiều có đường kính gốc trung bình 18cm; **01** *(một)* cây Mít có đường kính gốc 14cm; **01** *(một)* cây Xoài có đường kính gốc 15cm; **01** *(một)* bụi Mai gồm 34 cây có đường kính trung bình từ 10 – 20cm (cây già); **01** *(một)* cây Lát có khối lượng 0,281m^3; **01** *(một)* cây Sấu có khối lượng 0,436m^3; **01** *(một)* cây Bạch Đàn có khối lượng 0,174m^3.

3.3. Thời hạn thực hiện việc tháo dỡ, di dời, thu hoạch, khai thác di chuyển toàn bộ tài sản trên đất là 01 năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực.

4. Buộc ông Hoàng Văn D (D) thanh toán cho bà Hoàng Thị C số tiền 25 triệu đồng là tiền công di dời, tháo dỡ, khai thác, thu hoạch, di chuyển toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp và C phí tìm nơi ở mới.

5. Buộc ông Hoàng Văn D trả cho bà Hoàng Thị C 12.367.600 đồng là tiền công sức đóng góp vào việc duy trì và phát triển đối với phần đất đang tranh chấp.

6. Về án phí và chi phí tố tụng:

6.1. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn D (D) 1.000.000 đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004868 ngày 14/12/2021.

6.2. Về C phí tố tụng: Ông Hoàng Văn D tự nguyện chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm tại chỗ và định giá tài sản (đã thu và chi hết).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, vợ chồng bà Hoàng Thị C, ông Lầu Văn C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông D vì không có căn cứ.

Ngày 10/10/2022 ông Hoàng Văn P bố đẻ của ông D, bà C cũng kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm vì ông khẳng định đất ông đã cho bà C từ năm 1996 và bà C đã làm nhà ở từ đó đến nay không có tranh chấp. Ông đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông D vì ông khẳng định đất của ông đã cho bà C từ năm 1996 và bà C đã làm nhà ở từ đó đến nay không có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa 2 anh em ông D và bà C thì thấy rằng: Tổng diện tích đất mà ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/02/1998 là 9.000m^2 tại thửa số 09 tờ bản đồ số 349/9 trong đó có diện tích 2.208,5m^2 nằm trong thửa số 09, tờ bản đồ số 349/9 mà bà C đang quản lý sử dụng từ những năm 1996. Nguồn gốc 9.000m^2 đất này là của ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị M là bố mẹ đẻ của ông D, bà C khai phá từ những năm 1979 đều được các đương sự thừa nhận. Ông P nay còn sống vẫn thừa nhận trong diện tích 9.000m^2 đất này ông bà đã cho chị C khoảng hơn 2.000m^2 để chị C làm nhà ở và sinh sống từ năm 1996 đến nay, số diện tích còn lại ông cho anh D. Anh D thì cho rằng bố anh là ông P cho anh cả diện tích 9.000m^2 đất này và anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 cũng trong năm 1998 anh có cho em gái là bà C sử dụng một phần khoảng hơn 2.000m^2 để làm nhà ở và trồng cây cối, tuy nhiên cho bằng lời nói không có giấy tờ gì.

[2] Đại diện Ủy ban nhân dân xã TX cũng khẳng định: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Hoàng Văn P khai phá, sau đó cho bà C làm nhà từ năm 1996 và quản lý sử dụng từ đó đến thời điểm xảy ra tranh chấp. Phần đất này bà C đã

được đo đạc bản đồ địa chính năm 2013 là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 97 có diện tích 2.374,1m^2 mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vì có tranh chấp nên không tiến hành cấp quyền sử dụng cho bà C được. Đối với bản đồ địa chính do đơn vị đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính theo quy định, việc thiết lập bản đồ địa chính địa phương không liên quan, khi đo đạc các hộ dân dẫn đạc và ký xác nhận diện tích cho mình và các hộ giáp danh. Nay bà C ông D tranh chấp, quan điểm của UBND xã cần giao cho người đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

[3] Tại công văn số 260/CV - CNVPĐKĐĐ ngày 09/3/2022 của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Võ Nhai cho biết các thông tin tài liệu liên quan đến thửa đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị C thì C nhánh chỉ lưu giữ sổ cấp giấy và sổ địa chính, các tài liệu khác liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D không tìm thấy, còn UBND huyện Võ Nhai thì cho rằng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 18/02/1998 cho ông Hoàng Văn D đối với thửa số 09 tờ bản đồ số 349/9 xã TX là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4] Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng với lời khai của các đương sự có đủ căn cứ khẳng định: Nguồn gốc 9.000m^2 đất của ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/02/1998 là của ông P, bà M là bố mẹ đẻ ông D, bà C cho bà C hơn 2.000m^2 vào năm 1996, số diện tích còn lại cho ông D. Năm 1998 ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả 9.000m^2, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D như vậy là không đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, cấp quyền sử dụng đất cho ông D vào cả phần đất mà bố, mẹ đẻ của ông D, bà C đã cho bà C sử dụng từ năm 1996. UBND huyện Võ Nhai cho rằng việc cấp quyền sử dụng đất cho ông D là đúng trình tự, thủ tục nhưng UBND huyện không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc cấp quyền sử dụng đất cho ông D, tuy nhiên lại khẳng định thửa đất số 26, tờ bản đồ số 97 có diện tích 2.374,1m^2 mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm hiện nay bà C đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai nhưng thực tế diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, như vậy là mâu thuẫn với chính ý kiến của UBND huyện cho rằng trình tự, thủ tục cấp đất cho ông D 9.000m^2 tại thửa số 09 tờ bản đồ số 349/9 xã TX là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông D buộc bà C phải dỡ bỏ nhà và thu hoạch cây cối để trả lại đất cho ông D là không đúng quy định của pháp luật. Cần phải sửa toàn bộ bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D. Đề nghị UBND huyện điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất của UBND huyện Võ Nhai đã cấp cho ông D ngày 18/02/1998 theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện buộc bà C dỡ nhà và thu hoạch tài sản tồn tại trên diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho ông D là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, ông C1, ông P, bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông D là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D cho rằng: Do cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không đưa những gia đình đã đóng góp công sức và tiền của để làm con đường đi chung trên phần diện tích đất mà ông D và bà C đang tranh chấp là vi phạm nghiêm trọng tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa những gia đình đã góp tiền cũng như công sức vào làm con đường đó để giải quyết trong cùng vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng đáng lẽ phải hủy bản án sơ thẩm tuy nhiên tại phiên tòa bà C vẫn đồng ý mở con đường trên đất nhà bà để cho những gia đình khác đi lại thuận tiện, thì thấy rằng đây là ý chí của vợ chồng bà C nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Nếu sau này bà C và các hộ gia đình đi trên con đường đó mà có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bà C, ông C1, ông P. Bác đơn khởi kiện của ông D, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai; sửa đổi, bổ sung năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị C, ông Lầu Văn C1, ông Hoàng Văn P, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D (tên gọi khác Hoàng Văn D), về việc đòi quyền sử dụng diện tích 2.374,1m^2 đất mà bà Hoàng Thị C đang quản lý, sử dụng.

2. Đề nghị UBND huyện Võ Nhai điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00006/QSDĐ ngày 18/02/1998 của UBND huyện Võ Nhai đã cấp cho ông Hoàng Văn D theo đúng quy định của pháp luật (có sơ đồ đo đạc kèm theo bản án).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn D tự nguyện chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm tại C1 và định giá tài sản (đã thu và chi hết).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn D. Trả lại ông Hoàng Văn D 1.000.000 đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai thu số 0004868 ngày 14/12/2021.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị C, ông Lầu Văn C1, ông Hoàng Văn P. Trả lại cho bà Hoàng Thị C, ông Lầu Văn C1, ông Hoàng Văn P mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005019; 0005020; 0005021 ngày 20/10/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai
- C cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND huyện Võ Nhai;
- UBND xã TX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế